| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN TÂN PHÚ**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2024/KDTM-ST
Ngày: 22-4 -2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hương
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
2. Ông Đặng Tấn Đức

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Thúy Hà– *Kiểm sát viên*.

Ngày 22 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 140/2013/TLST-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2013 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2024/QĐST-KDTM ngày 22/03/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Q
Trụ sở: Số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh
*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hàn Ngọc Vũ
*Người đại diện theo ủy quyền* :
Ông Nguyễn Hải T – sinh năm 1992 (Có mặt)
Hoặc ông Vũ Văn T1 – sinh năm 1984 (Có mặt)
Hoặc ông Nguyễn Xuân N1 (Vắng mặt)
Văn bản ủy quyền: Số 02362424 ngày 30/01/2024
Địa chỉ: Số B U, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:*
Bà Nguyễn Thị Mộng T2 – sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)
Ông Lương Đức M – sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 9A (số cũ 5/A5) Gò Dầu , phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Số 16/6P ấp Mỹ Huề , xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông* Nguyễn Văn T3 *(chết năm 2014) và bà* Nguyễn Thị Phương N2 *(chết năm 2021), gồm 07 người con:*

1Ông Nguyễn Duy T4 - sinh năm 1969 (Vắng mặt)

2/Bà Nguyễn Mộng T5 - sinh năm 1971(Vắng mặt)

3/Bà Nguyễn Thị Mộng T2 - sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)

4/Bà Nguyễn Mộng T6 - sinh năm 1974 (Vắng mặt)

5/Bà Nguyễn Mộng T7 - sinh năm 1977 (Vắng mặt)

6/Bà Nguyễn Mộng T8 - sinh năm 1981 (Vắng mặt)

7/ Ông Nguyễn Duy T9 - sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Thường trú: Số 9A (số cũ 5/A5) Gò Dầu , phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Số 16/6P ấp Mỹ Huề , xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/Bà Nguyễn Hữu Huỳnh K – sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A ấp M , xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/Em Nguyễn Đình L – sinh năm 2006

10/Em Nguyễn Đình L1 - sinh năm 2009

Em L, em L1 do bà Nguyễn Mộng T5 (mẹ) là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A ấp M , xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn* Ngân hàng thương mại cổ phần Q *(Gọi tắt* Ngân hàng Q*) do ông* Vũ Văn T1 *và ông* Nguyễn Hải T *là người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:*

Ngày 30 tháng 09 năm 2011, Ngân hàng Q có ký Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 0248/HĐTD –VIBAC/11.

Hạn mức cấp tín dụng: 500.000.000đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh cửa hàng thuốc tân dược;

Lãi suất trong hạn 21%/năm; Lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 01 tháng của Ngân hàng Q cộng với biên độ 4%/năm; Điều chỉnh lãi suất 01tháng/01 lần, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng Q.

Thời hạn vay 12 tháng.

Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc cuối kỳ và trả nợ lãi vào ngày 03 hàng tháng.

Ngày 30/9/2011 Ngân hàng giải ngân số tiền trên cho bà T2 ông M bằng khế ước nhận nợ số 0248/KUNN-VIBAC với số tiền 500.000.000đồng.

*Tài sản bảo đảm:*

Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại A ấp M , xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 3519/2009/UB-GCN do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/11/2009 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Phương N2.

Ngân hàng nhận thế chấp tài sản này theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0248/2011, công chứng số 040205 quyển số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/9/2011 tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/09/2011 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T2 ông M đã thanh toán cho ngân hàng được số tiền tổng cộng là 223.146.921 đồng (Trong đó nợ gốc là 97.510.348 đồng, nợ lãi là 125.636.573 đồng). Ông M bà T2 không tiếp tục thanh toán nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, do đó toàn bộ số dư nợ theo Hợp đồng tín dụng chuyển thành nợ quá hạn từ tháng 3/2013. Hiện ông M bà T2 còn nợ Ngân hàng Q đến ngày 22/04/2024, cụ thể:

Nợ gốc : 402.489.652 đồng

Nợ lãi trong hạn 14.384.260 đồng

Nợ lãi quá hạn: 1.137.419.216 đồng

Tổng cộng: 1.554.293.128 đồng

Ngân hàng Q yêu cầu ông M bà T2 phải thanh toán số nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp đến hạn thanh toán nợ mà ông M bà T2 không chịu thanh toán, Ngân hàng Q yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là nhà đất tại địa chỉ số A ấp M , xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông* Lương Đức M *và bà* Nguyễn Thị Mộng T2 *có lời khai thể hiện:*

Ông bà có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Q để vay số tiền 500.000.000 đồng đúng như phía ngân hàng trình bày. Do khó khăn về kinh tế nên ông bà chưa có khả năng thanh toán. Ông bà xin thêm thời gian để có điều kiện thanh toán cho ngân hàng. Để đảm bảo cho số nợ vay. Ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Phương N2 ký hợp đồng thế chấp tài sản do ông bà đứng tên nhà đất tại địa chỉ số A ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T3 chết năm 2014. Ông T3 bà N2 có 07 người con là :

1/ Ông Nguyễn Duy T4, sinh năm 1969

2/ Bà Nguyễn Mộng T5, sinh năm 1971

3/ Bà Nguyễn Thị Mộng T2, sinh năm 1972

4/ Bà Nguyễn Mộng T6, sinh năm 1974

5/ Bà Nguyễn Mộng T7, sinh năm 1977

6/ Bà Nguyễn Mộng T8, sinh năm 1981

7/ Ông Nguyễn Duy T9, sinh năm 1983.

Bà T2 có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng Q do ông Vũ Văn T1 và ông Nguyễn Hải T là người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lương Đức M; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy T4, bà Nguyễn Mộng T5, bà Nguyễn Mộng T6, bà Nguyễn Mộng T7, bà Nguyễn Mộng T8, ông Nguyễn Duy T9, bà Nguyễn Hữu Huỳnh K, em Nguyễn Đình L, em Nguyễn Đình L1 (Em L, em L1) do bà Nguyễn Mộng T5 (mẹ) là người đại diện theo pháp luật, nhưng các ông bà vẫn vắng mặt không có lý do và không cử người đại diện để tham dự phiên tòa. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q; Hợp đồng tín dụng số 0248/HĐTD –VIBAC/11; Khế ước nhận nợ, xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư ngụ tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm .

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Q yêu cầu ông Lương Đức M và bà Nguyễn Thị Mộng T2 phải thanh toán số tiền vay còn nợ, tính đến ngày 22/04/2024, gồm :

Nợ gốc: 402.489.652 đồng

Nợ lãi trong hạn:14.384.260 đồng;

Nợ lãi quá hạn:1.137.419.216 đồng

Tổng cộng: 1.554.293.128 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp, ông M bà T2 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay thì Ngân hàng Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất tại địa chỉ số A ấp M , xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật,

X thấy, ông M, bà T2 và Ngân hàng Q có giao kết Hợp đồng tín dụng để vay tiền. Để đảm bảo cho số nợ vay của ông M và bà T2, ông T3 và bà N2 có dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình thế chấp cho Ngân hàng Q. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M bà T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay. Căn cứ Điều 340, Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q .

Hiện ông T3 bà N2 đã chết, do đó những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T3 bà N2 phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm là bàn giao tài sản thế chấp để phát mãi thanh toán số nợ vay của ông M bà T2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q; Hợp đồng tín dụng số 0248/HĐTD –VIBAC/11 và Khế ước nhận nợ số 0248/KUNN-VIBAC, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận T nên Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng và xét xử vắng mặt:

Người tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T3 chết ngày 10/3/2014 (Có giấy chứng tử). Bà Nguyễn Thị Phương N2 chết năm 2021 nhưng bị đơn không cung cấp giấy chứng tử. Mặt dù Tòa án tống đạt thông báo yêu cầu cung cấp Giấy chứng tử của bà N2 nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp.

Tại biên bản xác minh của Công an xã T, huyện H cho biết bà Nguyễn Thị Phương N2 đã chết vào khoảng tháng 12 năm 2021.

Tại Công văn số 1975/UBND-HT ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T cho biết qua kiểm tra thông tin từ sổ bộ khai tử được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường T, kết quả không tìm thấy tên bà Nguyễn Thị Phương N2 – sinh ngày 15/12/ 1950 nên không có cơ sở để cấp bản sao trích lục.

Tại Công văn số 1213/UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H cho biết qua rà soát sổ bộ đăng ký khai tử được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H không tìm thấy thông tin đăng ký khai tử cho người có tên Nguyễn Thị Phương N2 – sinh năm 1950 .

Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc đối với bà Nguyễn Mộng T6 cho biết bà là con của ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Phương N2. Ông T3 chết năm 2014, bà N2 chết ngày 22/12/2021. Tuy nhiên bà T6 không cung cấp Giấy chứng tử của bà N2 cho Tòa án.

Tại văn bản số 616/CATP-QLHC ngày 22/11/2023 của Công an quận T cho biết theo hồ sơ lưu trữ tại Công an Quận T thể hiện ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Phương N2 có bảy người con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M bà T2 xác nhận ông T3 bà N2 có bảy người con gồm: Ông Nguyễn Duy T4, bà Nguyễn Mộng T5, bà Nguyễn Mộng T6, bà Nguyễn Mộng T7, bà Nguyễn Mộng T8, ông Nguyễn Duy T9, bà Nguyễn Thị Mộng T2. Căn cứ Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa các ông bà có tên trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ biên bản xác minh của Công an xã T , huyện H cho biết tại nhà đất số A ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh có các ông bà đang thực tế cư ngụ gồm: Ông Nguyễn Duy T9, bà Nguyễn Mộng T5, bà Nguyễn Mộng T6, bà Nguyễn Hữu Huỳnh K, em Nguyễn Đình L, em Nguyễn Đình L1. Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa các ông bà có tên trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lương Đức M, bà Nguyễn Thị Mộng T2 (Bà T2 có đơn xin vắng mặt); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy T4, bà Nguyễn Mộng T5, bà Nguyễn Mộng T6, bà Nguyễn Mộng T7, bà Nguyễn Mộng T8, ông Nguyễn Duy T9, bà Nguyễn Thị Mộng T2, bà Nguyễn Hữu Huỳnh K, em Nguyễn Đình L, em Nguyễn Đình L1 (Em L, em L1) do bà Nguyễn Mộng T5 (mẹ) là người đại diện theo pháp luật, nhưng các ông bà vẫn vắng mặt không có lý do và không cử người đại diện để tham dự phiên tòa . Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy T4, bà Nguyễn Mộng T5, bà Nguyễn Mộng T6, bà Nguyễn Mộng T7, bà Nguyễn Mộng T8, ông Nguyễn Duy T9, bà Nguyễn Hữu Huỳnh K, em Nguyễn Đình L, em Nguyễn Đình L1 (Em L, em L1) do bà Nguyễn Mộng T5 (mẹ) là người đại diện theo pháp luật, không đến Tòa án để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn Ngân hàng Q, lời trình bày bị đơn ông M bà T2 để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Ngân hàng Q yêu cầu ông M và bà T2 thanh toán một lần số tiền còn nợ cho ngân hàng ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Các khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0248/HĐTD –VIBAC/11 và Khế ước nhận nợ số 0248/KUNN-VIBAC, cụ thể:

Nợ gốc: 402.489.652 đồng

Nợ lãi trong hạn:14.384.260 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.137.419.216 đồng

Tổng cộng: 1.554.293.128 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ thể hiện giữa Ngân hàng Q với ông M và bà T2 có thực hiện giao dịch vay tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M và bà T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Ngân hàng Q nhiều lần nhắc nợ nhưng ông M, bà T2 vẫn không thực hiện. Ông M và bà T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn Ngân hàng Q. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ông M và bà T2 thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng, phía ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và

quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 3519/2009/UB-GCN do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/11/2009 cho các ông bà: Ông Nguyễn Duy T4, bà Nguyễn Mộng T5, bà Nguyễn Mộng T6, bà Nguyễn Mộng T7 , bà Nguyễn Mộng T8, bà Nguyễn Thị Mộng T2, ông Nguyễn Duy T9.

Xét, Ngân hàng Q yêu cầu trong trường hợp đến thời hạn thanh toán nợ mà ông M và bà T2 không thanh toán, phía ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0248/2011/VIBAC/BĐ ngày 30/9/2011 được Phòng công chứng số 4 Thành phố C chứng thực ngày 30/9/2011 số công chứng 040205, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/9/2011.

Tài sản trên đã được thế chấp để đảm bảo cho số nợ vay của ông M và bà T2. Hình thức Hợp đồng thế chấp được công chứng đúng theo quy định của pháp luật và tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H. Đến hạn thanh toán nợ mà ông M bà T2 không thanh toán thì các ông bà gồm: Ông Nguyễn Duy T4, bà Nguyễn Mộng T5, bà Nguyễn Mộng T6, bà Nguyễn Mộng T7, bà Nguyễn Mộng T8, bà Nguyễn Thị Mộng T2, ông Nguyễn Duy T9, bà Nguyễn Hữu Huỳnh K, em Nguyễn Đình L, em Nguyễn Đình L1 (Em L, em L1) do bà Nguyễn Mộng T5 (mẹ) là người đại diện theo pháp luật phải bàn giao nhà đất tại địa chỉ số A ấp M , xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh để Ngân hàng Q thực hiện quyền yêu cầu phát mãi tài sản thu hồi nợ. Căn cứ Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Q về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở để chấp nhận

[4] Thời hạn thanh toán:

Xét, Ngân hàng Q yêu cầu ông M bà T2 phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông M bà T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Q. Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, yêu cầu của Ngân hàng Q là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng: Ngân hàng Q đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định lại chỗ với số tiền là 2.000.000 đồng. Ngân hàng Q yêu cầu ông M, bà T2 phải trả lại cho ngân hàng số tiền này. Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q được chấp nhận nên ông M, bà T2 phải chịu chi phí tố tụng này.

[6]Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng Q được chấp nhận nên ông M bà T2 phải chịu án phí là 58.628.800 đồng trên số tiền phải trả cho Ngân hàng Q là 1.554.293.128 đồng.

H lại số tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng Q.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 ;

- Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Lương Đức M và bà Nguyễn Thị Mộng T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q các khoản tiền gồm:

Nợ gốc: 402.489.652 đồng;

Nợ lãi trong hạn 14.384.260 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.137.419.216 đồng;

Tổng cộng: 1.554.293.128 đồng (Một tỉ năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm chín mươi ba ngàn một trăm hai mươi tám đồng).

Nợ lãi này tính đến ngày 22/04/2024.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 23/4/2024 ông Lương Đức M và bà Nguyễn Thị Mộng T2 phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 0248/HĐTD –VIBAC/11ký ngày 30/9/2011 và Khế ước nhận nợ số 0248/KUNN-VIBAC ký ngày 30/9/2011 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Sau khi ông Lương Đức M và bà Nguyễn Thị Mộng T2 thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, phía ngân hàng phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 3519/2009/UB-GCN do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/11/2009 cho các ông bà: Ông Nguyễn Duy T4, bà Nguyễn Mộng T5, bà Nguyễn Mộng T6, bà Nguyễn Mộng T7 , bà Nguyễn Mộng T8, bà Nguyễn Thị Mộng T2, ông Nguyễn Duy T9.

Trong trường hợp đến ngày Bản án có hiệu thi hành mà ông Lương Đức M, bà Nguyễn Thị Mộng T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ số A ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 3519/2009/UB-GCN do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/11/2009) theo Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0248/2011/VIBAC/BĐ ngày 30/9/2011 được Phòng công chứng số 4 Thành phố C chứng thực ngày 30/9/2011 số công chứng 040205, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/9/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H để thu hồi nợ.

Buộc ông Lương Đức M và bà Nguyễn Thị Mộng T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 58.628.800 đồng (Năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn tám trăm đồng) ông Lương Đức M và bà Nguyễn Thị Mộng T2 chịu.

H lại số tiền 11.477.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00416 ngày 27/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*** :
- TAND TP . HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**